

Số: /BC-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

Thực trạng đội ngũ trí thức ngành văn hóa, thể thao và du lịch giai đoạn 2011-2020 và nhiệm vụ, giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức huyện Triệu Sơn đến năm 2030

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Thực hiện Công văn số 2168/SVHTTDL-TCCB ngày 11/6/2021 của Sở Văn hóa Thể thao và du lịch về việc báo cáo đội ngũ trí thức ngành văn hóa, thể thao và du lịch giai đoạn 2011-2020. Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn báo cáo thực trạng đội ngũ trí thức ngành văn hóa, thể thao và du lịch giai đoạn 2011-2020 và nhiệm vụ, giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức đến năm 2030 như sau:

I. THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH HUYỆN TRIỆU SƠN GIAI ĐOẠN 2011-2020.

1. Nhân lực và đội ngũ trí thức ngành VHTT

(Có phụ lục kèm theo).

2. Đánh giá đội ngũ trí thức ngành VHTTDL tại địa phương giai đoạn 2011 - 2020

a. Về ưu điểm

- Luôn tập trung ý chí trung thành với Đảng, Nhà nước; thường xuyên học tập và rèn luyện nâng cao tri thức, cập nhật thông tin tham mưu hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

- Một số đội ngũ trí thức cấp huyện, cấp xã thường xuyên có sáng kiến kinh nghiệm được cấp huyện công nhận, được tặng chiến sỹ thi đua cấp cơ sở; một số trí thức thường xuyên cung cấp tin, bài cho báo chí; đài truyền hình tỉnh và Trung ương

b. Về hạn chế

- Số lượng đội ngũ trí thức từ huyện đến cơ sở còn thiếu, mỗi một trí thức phải kiêm nhiều nhiệm vụ nên chưa đáp ứng kịp thời các hoạt động VHTTDL trên địa bàn như tình hình hiện nay;

- Chế độ, chính sách đãi ngộ cho đội ngũ trí thức ngành VHTTDL từ cấp huyện đến cơ sở rất hạn hẹp, chưa đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt thường ngày

nên ảnh hưởng tới chất lượng chuyên môn cũng như là khả năng vươn lên của đội ngũ này;

- Không thường xuyên được học tập, đào tạo nâng cao, bồi dưỡng tri thức.

c. Nguyên nhân

- *Khách quan:* Do kinh phí hạn hẹp, chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ tri thức còn hạn chế nên không phát huy, thúc đẩy tinh thần tự giác và mục tiêu cũng như hỗ trợ các đơn vị khác nên một phần cũng ảnh hưởng đến thời gian xử lý chuyên môn.

- *Chủ quan:* Một số đội ngũ tri thức cấp cơ sở do trình độ còn hạn chế, khả năng cập nhật công nghệ kém nên không chủ động thực hiện chuyên môn.

II. Dự báo nhu cầu và mục tiêu xây dựng đội ngũ tri thức ngành VHTTDL trên địa bàn huyện đến năm 2030.

1. Dự báo nhu cầu

a. Về số lượng

- *Cấp huyện:*

+ Quản lý nhà nước: 03 người (01 trưởng phòng, 01 phó phòng, 01 công chức)

+ Sự nghiệp: 18 người (01 Giám đốc, 02 phó giám đốc; 07 viên chức; 08 hợp đồng theo ND 68)

- *Cấp xã: 34 xã, thị trấn*

+ Mỗi một xã 01 công chức văn hóa;

b. Về chất lượng:

- Trình độ đào tạo: Yêu cầu từ Đại học trở lên

- Năng lực ngoại ngữ: Bảo đảm theo quy định

- Trình độ tin học: Đáp ứng được nhu cầu nhiệm vụ được giao.

III. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng đội ngũ tri thức ngành VHTTDL đến năm 2030

1. Nhiệm vụ: Xây dựng đội ngũ tri thức ngành VHTTDL đến năm 2030 có trình độ đạt từ Đại học phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ, phải tinh gọn đáp ứng mọi nhiệm vụ được giao.

2. Giải pháp:

- Xây dựng hệ thống đào tạo; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thường xuyên tại cơ sở cho đội ngũ tri thức ngành VHTTDL;

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động Văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và du lịch về cơ sở.

- Tăng kinh phí cho ngành VHTTDL;

- Có chế độ chính sách đãi ngộ, nhằm động viên, khích lệ đội ngũ tri thức cơ sở.

- Tuyển chọn những người có trình độ, năng lực, nhiệt huyết và trách nhiệm vào đội ngũ tri thức ngành VHTTDL.

- Kịp thời khen, thưởng đối với tri thức cơ sở có thành tích trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ; có đề tài, sáng kiến kinh nghiệm.

V. Kiến nghị, đề xuất

- Tăng kinh phí hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ cho ngành VHTTDL.

- Phân bổ nguồn kinh phí hoạt động VHTTDL cho cấp xã (kinh phí cấp xã chi cho hoạt động VHTTDL hàng năm còn quá thấp).

Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn báo cáo đề Sở VHTTDL tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở VHTTDL (để b/c);
- Lưu: VT, VHTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Trung

PHỤ LỤC

Bảng thống kê thực trạng đội ngũ cán bộ, viên chức ngành VH TT giai đoạn 2011-2020 và dự kiến mục tiêu phát triển giai đoạn 2025- 2030 (Gửi kèm báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2021)

STT	Trình độ/Lĩnh vực hoạt động	2011	2015	2020	Mục tiêu 2025	Mục tiêu 2030	Ghi chú
1	<i>Trình độ</i>						
	Sau tiến sĩ	0	0	0	0	0	
	Tiến sĩ	0	0	0	0	0	
	Thạc sĩ	0	01	03	05	09	
	Đại học	32	35	52			
	Cao đẳng	05	02	0	0	0	
	Trung cấp	0	0	0	0	0	
	Sơ cấp	0	0	0	0	0	
2	<i>Phân theo giới</i>						
	Nam	22	23	34	34	34	
	Nữ	15	14	21	21	21	
3	<i>Phân theo dân tộc</i>						
	Kinh	58	58	55			
	Dân tộc khác						
4	<i>Phân theo nhóm tuổi</i>						
	< 30 tuổi						
	31-45 tuổi	36	36	33			
	46- 60 tuổi	22	22	22			
5	<i>Phân theo lĩnh vực hoạt động</i>						
	Khôi quản lý nhà nước	41	41	37	37	37	
	Đơn vị sự nghiệp	17	17	18	18	18	